TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày 19 - 11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành
2. Ông Lương Văn Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Hằng,Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sởTòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số46/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vàng A N** – Sinh năm 1968.

Nơi sinh: Xã Sóng Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Vàng A D, sinh năm 1945; Con bà: Giàng Thị D, đã chết; Vợ: Sùng Thị S, sinh năm 1968; Con có 04 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/3/2014bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đã được xóa án tích;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2019 chuyển tạm giam ngày 04/10/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Họ và tên: **Sùng Thị S** - Sinh năm 1968.

Nơi sinh: Xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Sùng A S,

sinh năm 1939; Con bà: Giàng Thị S, sinh năm 1941;Có chồng: Vàng A N, sinh năm 1968; Con có 04 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/8/2014bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 02 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy; 02 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy và 18 tháng tù về tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 22/10/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã kháng nghị Giám đốc thẩm bản án của TAND huyện Mường Lát; Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 04/2014/QĐ-UBTP ngày 08/12/2014 Ủy ban Thẩm phán Tòa nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã đã hủy tội danh "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và hình phạt 02 năm tù đối với Sùng Thị S của bản án số 26/2014/HSST ngày 14/8/2014 của TAND huyên Mường Lát.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2019 chuyển tạm giam ngày 04/10/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo:*Ông Nguyễn Ngọc K, Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Đây là vụ án điểm năm 2019 của các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12^{h}, ngày 27/9/2019, Vàng A N đã bàn bạc với vợ là Sùng Thị S đi sang Lào mua ma túy đem về sử dụng và được Sùng Thị S đồng ý. Hai vợ chồng N, S thống nhất với nhau sẽ đi sang bản Na Hàm, huyện Viêng Say, tỉnh Hủa Phăn, Lào để mua ma túy. Vợ chồng N, S đã đem theo $3.000.000^{đ}$là số tiền 02 vợ chồng đi làm thuê dành dụm được, rồi đi bộ theo Quốc lộ 15C đến khu vực Cột mốc giới 311 (hay còn gọi là G9) thuộc địa phận bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát thì rẽ lên đường mòn rồi đi sang Lào. Tại Lào, N, S đã gặp một người đàn ông dân tộc Thái – Lào, không biết tên, tuổi. N hỏi người đàn ông này "có thuốc phiện bán không"? Người đàn ông này nói "không có thuốc phiện, chỉ có hàng trắng thôi tức là hêrôin thôi". Vì không có thuốc phiện, nên N đồng ý mua hêrôin và theo người đàn ông này về nhà, khi đến nhà người đàn ông này, N lấy số tiền là $3.000.000^{đ}$ mà vợ Sùng Thị S đang cầm để đưa cho người đàn ông này và được người đàn ông này đưa cho N một túi nilon màu hồng, bên trong là túi nilon màu trắng chứa một cục bột màu trắng, dạng nén. Người này nói với N và S đây là hêrôin, lấy được hêrôin, S lại hỏi người đàn ông này có hồng phiến không, bán nợ cho S và N thì người đàn ông này đồng ý bán nợ cho S và N 114 viên hồng phiến (ma túy tổng hợp) tương đương với số tiền là $1.000.000^{đ}$. Lấy được ma túy, N đưa số ma túy cho vợ là Sùng Thị S cất giấu vào túi vải thổ cẩm rồi giấu trên người và

đi về nhà theo đường mòn cũ. Về đến nhà, N và S đã lấy ra 02 viên hồng phiến để cùng nhau sử dụng, đến trưa ngày hôm sau (tức là ngày 28/9/2019) hai vợ chồng lại lấy ra 02 viên hồng phiến cùng nhau sử dụng.

Đến 18^{h} ngày 28/9/2019, khi em trai của N là Sùng A N1 sinh năm 1974 trú cùng bản với N đến nhà N, Sáng để xin ma túy đem về làm thuốc cho bố thì S vào trong buồng ngủ, trong buồng có N đang ngồi trên giường, N đã lấy số ma túy trong túi nilon màu hồng ra để chặt đôi chia cho N, ngay lúc này lực lượng Công an huyện Mường Lát đã vào kiểm tra, phát hiện thấy Công an vào nhà, S đã nhanh tay cầm ném 01 túi nilon màu hồng chứa 110 viên hồng phiến ra khe gỗ nhà mình và rơi ra phía sau nhà và ném 01 gói nilon màu hồng chứ hêrôin ra khỏi phòng ngủ và rơi xuống đất gian giữa ngôi nhà, còn 01 cục hêrôin đang còn rơi trên giường ngủ của N và S. Lực lượng Công an đã phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật và vật chứng liên quan, đồng thời tuyên bố bắt người phạm tội quả tang đối với Vàng A N và Sùng Thị S.

Tại Bản kết luận giám định số:2241/PC09 ngày 02/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

Cục chất bột màu trắng, dạng nén của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 8,968g (Tám phẩy chín trăm sáu tám gam) loại:Herôin.

108 (Một linh tám) viên nén màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 10,726g (Mười phẩy bảy hai sáu gam), loại: Methamphetamine.

02 (Hai) viên nén màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,197g (Không phẩy một chín bảy gam), loại: Methamphetamine.

Cục cục bộtdạng nén màu trắng, dạng nén của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,105g (Một phẩy một linh nămgam) loại:Herôin.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-ML ngày20/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo Vàng A N và Sùng Thị S về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm nkhoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luậnvà luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng các bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các Bị cáo Vàng A N và Sùng Thị S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Đề nghị áp dụng: Điều 17; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm n khoản 2 điều 249của Bộ luật Hình sự cho cả 02 bị cáo.

- Đề nghị hình phạt:

+ Đối với bị cáo Vàng A N từ 07năm 06 tháng đến 08 năm tù.

+ Đối với bị cáo Sùng Thị S từ 07năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định, các bị cáo là vợ chồng,thuộc diện hộ nghèovà là những người nghiện chất ma túy.

- Vật chứng: Số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định tịch thu tiêu hủy; tịch thu tiêu hủy 01 túi vải thổ cẩm màu xanh, đen và 02 ống điếu tự chế.

Trả lại cho bị cáo Vàng A N và Sùng Thị S số tiền là 1.370.000^{đ} (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do bản thân các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy,không kìm chế được, nên đã bàn bạc, thống nhất đi mua ma túy đem về để sử dụng, ngoài ra không có mục đích nào khác; các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho các bị cáo vắng mặt, nhưng có bản luận cứ bào chữa là đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, các Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo lại là vợ chồng. Nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng một mức án thấp nhất có thể,để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, xã hội và trở thành công dân có ích, vẫn có tính phòng ngừa chung; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền,vì các bị cáo đều làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, lại là những người nghiện chất ma túy.

Tại phiên tòa các Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với luận cứ bào chữa của người bào chữacho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Vàng A Náy: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên không làm chủ được bản thân, nên đã bàn với vợ đi mua ma túy đem về để sử dụng. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và sẽ trở thành người công dân tốt.

- Sùng Thị S: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên không làm chủ được bản thân,bị cáo và chồng đã đi mua ma túy đem về sử dụng cho bản thân. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, để chăm sóc con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quátrình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố,Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hìnhsự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]Đánh giá chứng cứ; yêu cầu; đề nghị của Kiểm sát viên;hành vi của các bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các lời khai của các bị cáo tạibiên bảnbắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu giám định; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và trích mẫugiám định; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biênbản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12^{h} ngày 27/9/2019, Vàng A N là người chủ động và bàn bạc với vợ là Sùng Thị S lấy số tiền $3.000.000^{đ}$ của hai vợ chồng đi làm thuê mà có để đi mua ma túy, khi được vợ đồng ý thì 02 vợ chồng đi bộ qua Cột mốc giới 311 rồi sang Lào mua ma túy đem về để 02 vợ chồng sử dụng dần. Tại Lào, Vàng A N và Sùng Thị S đã mua của một người đàn ông dân tộc Thái (Lào) được gói hêrôin với số tiền là $3.000.000^{đ}$ và mua nợ của người đàn ông này 114 viên ma túy tổng hợp với số tiền là $1.000.000^{đ}$, khi có ma túy thì N đưa cho vợ bỏ vào túi thổ cẩm và cả hai đi bộ về nhà. Về đến nhà, N và S đã lấy ra 02 viên hồng phiến để cùng nhau sử dụng, sáng ngày hôm sau thì 02 vợ chồng lại lấy 02 viên hồng phiến để sử dụng. Đến khoảng 18^{h} ngày 28/9/2018 thì em trai N là Vàng A N1 đến xin ma túy đem về làm thuốc cho bố, S đồng ý và đi vào trong buồng ngủ để lấy ma túy cho N1 thì ngay lúc này Công an Mường Lát vào kiểm tra, lúc này Sáng đã cầm số ma túy ném ra ngoài để phi tang, số hồng phiến đã lọt qua khe gỗ ra ngoài, còn số hêrôin thì rơi ra giữa nhà và trên giường ngủ của N và S. Công an huyện Mường Lát đã phát hiện và bắt quả tang Vàng A N và Sùng Thị S.

Số Hêrôin thu giữ của các bị cáo là: 10,073g (*Mười khẩy không bảy ba gam).* Số Methamphetamine (hồng phiến) thu giữ của các bị cáo là: 10,923g *(Mười phẩy chín hai ba gam)*. Tổng cộng số ma túy thu giữ của các bị cáo là: 20,996g (Hai mươi phẩy chín chín sáu gam) ma túy các loại.

Hành vi của các bị cáo lànguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sáchquản lý của Nhà nước đối vớicácchất ma túy, làm ảnh hưởng không những đến sức khỏe của người nghiện, mà ảnh hưởng tới kinh tế của gia đình người nghiện, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các Bị cáo nhận thức được hànhvi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưngcác bị cáo vẫn cố ý thực hiện (Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp). Sau khi

xem xét về hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chất ma túy, khối lượng ma túy và nhiều chất ma túy khác nhau, nhưng đều quy định tại một điểm của điều luật, nênđược quy định tại điểm n khoản2 điều 249 Bộ luật hình sự.Do đó, HĐXX kết luận: Quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]Về tính chất vụ án: Các Bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái các chất ma túy để sử dụng cho bản thân làvi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, nên tính chất vụ án là rất nghiêm trọng và cũng là vụ án đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, vì các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo đều là những người nghiện chất ma túy, đi mua ma túy đem về cùng nhau sử dụng dần, không nhằm mục đích nào khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:Sau khi phạm tội và tại phiên tòa,các bị cáo đã"thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" về hành viphạm tội của mình,nên HĐXX cho 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểms khoản 1 điều 51 BLHS.

Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng các bị cáo có nhân thân xấu. Cả 02 bị cáođều đã bị xét xử về tội ma túy, đã chấp hànhxong hình phạt tù (đã được xóa án tích) trở về địa phương sinh sống, nhưng các Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, khôngtu dưỡng, rèn luyện, lại tiếp tục tái nghiện chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân và bị bắt quả tang.

Vì vậy, để phù hợp với tínhchất nguy hiểm của hành vi phạm tộicủa các bị cáo,cầnphảixét xử nghiêm minh, áp dụng hìnhphạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời giandài để răn đe, phòng ngừa và để các bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy.

[5] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử quyết thấyđây là vụ án đồng giản đơn, khi áp dụng hình phạt cần có sự phân loại hình phạt, dựa trên hành vi phạm tội, nguồn gốc ma túy và số lượng ma túy bị thu giữ, nên Vàng A N sẽ bị áp dụng hình phạt cao hơn Sùng Thị S, vì Vàng A N là người khởi xướng. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho từng bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đủ sức răn đe, phòng ngừa. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về hình phạt.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thì cho thấy các bị cáo đều làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định, bản thân các bị cáo là người nghiện chất ma túy, gia đình các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Vật chứng vụ án: Chất ma túy thu giữ của các bị cáocòn lại sau giám địnhlà vật chứng của vụ án,là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 túi vải thổ cẩm màu xanh đen và 02 ống điếu tự chế để sử dụng ma túy, là vật chứng vụ án và không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 1.370.000^{đ} (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ của các bị cáo, đây không phải là tiền do phạm tội mà có, trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[8] Các nhận định khác:

- Đối với người đàn ông dân tộc Thái đã bán ma túy cho bị cáo, việc mua bán này diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không có thẩm quyền xác minh, làm rõ.

- Đối với Vàng A N1, là em trai ruột của Vàng A N, mới đến nhà N, S để xin ma túy cho bố làm thuốc, N1 cũng không biết N, S có ma túy hay không? Khi nghe chị dâu là Sùng Thị S nói "Cứ từ từ" thì N1 nghĩ nhà N, S có ma túy, tuy nhiên ngay sau đó thì Công an huyện Mường Lát vào kiểm tra, N1 cũng chưa kịp lấy ma túy. Vì vậy, Vàng A N1 không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

- Đối với Sùng A L, sinh năm 1981, địa chỉ ở xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, là em trai của Sùng Thị S, lúc Công an huyện Mường Lát vào kiểm tra thì L đang nằm ngủ trên giường ở gian bên ngoài, L cũng không biết Vàng A N và Sùng Thị S tàng trữ trái phép chất ma túy, vì N và S giấu ma túy trong buồng ngủ và không nói cho L biết. Nên Sùng A L không phải chịu trách nhiệm hình sự ở vụ án này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm nkhoản 2 điều 249; điều 17; điều 38;điểm s khoản 1điều 51 Bộ luật hình sự đối vớiVàng A N và Sùng Thị S.

Tuyên bố: Bị cáoVàng A N và Sùng Thị S phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Hình phạt:

Xử phạtbị cáo **Vàng A N 08** (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (28/9/2019).

Xử phạtbị cáo **Sùng Thị S 07** (Bảy) năm**06** (Sáu) thángtù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (28/9/2019)

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng:Căn cứđiều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Phạm Văn Hiếu và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đóng giáp lai. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải thổ cẩm màu xanh đen và 02 ống điếu tự chế.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2019 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Trả lại cho các bị cáo số tiền là 1.370.000^{đ} (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ của các bị cáo. Hiện số tiền này đang được bảo quản tại Tài khoản tiền gửi của Công an huyện Mường Lát tại Kho bạc Nhà nước huyện Mường Lát, tỉnh Thah Hóa. Yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát chuyển số tiền này sang Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí:Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Kháng cáo, Kháng nghị: Áp dụng: Điều 331, điều 333, điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt các bị cáo; Vắng mặt Người bào chữa cho các bị cáo; Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát;
- Các Bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng